

Bản án số: **150** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2024

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo

Bà Nguyễn Thị Tuyết

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1991,

Địa chỉ: **Xóm B, thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.**

- Bị đơn: Anh **Lê Văn V**, sinh năm 1987,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Xóm B, thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.** Nơi ở hiện nay: **Đài Loan.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1961, địa chỉ: **Thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.**

Chị **L**, anh **V** và ông **C** đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh chị **Phạm Thị L** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Lê Văn V** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày

21/11/2008 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Chị và anh **V** đều là người tại **thôn S, xã T, huyện T**, sau khi kết hôn chị chuyển về nhà chồng sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng được gia đình hòa giải nên đã tiếp tục chung sống. Đến tháng 9/2013, anh **V** xuất khẩu lao động tại Đài Loan và đến năm 2015 chị sang Đài Loan để làm việc cùng với anh **V**. Anh chị không chung sống cùng nhau mà chỉ thỉnh thoảng cuối tuần gặp nhau, vợ chồng vẫn tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn mặc dù đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Cuối năm 2022 chị về Việt Nam để sinh con và ở lại gia đình nhà chồng tại đội 11, **xóm B, xã T, huyện T**. Do vợ chồng xa cách nên tiếp tục nảy sinh mâu thuẫn, tháng 4/2023 chị đã xin phép bố mẹ chồng cho chị và con thứ hai chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại đội 12, **xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương** để sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **V**.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Lê Văn D**, sinh ngày 16/6/2010 và **Lê Minh K**, sinh ngày 19/3/2023. Hiện cháu **D** đang ở cùng gia đình anh **V**, còn cháu **K** đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, do cháu **K** còn nhỏ nên chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu **K** cho đến khi trưởng thành. Cháu **D** hiện nay đang sinh sống ổn định cùng gia đình ông bà nội nên chị đồng ý để anh **V** được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **D**, trong thời gian anh **V** đang ở nước ngoài, chị đồng ý để cho ông bà nội là ông **C** chăm sóc cháu Dương thay anh **V** trong thời gian anh **V** chưa về nước. Vợ chồng không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Ông **Lê Văn C** (là bố đẻ bị đơn) trình bày: Về thời điểm kết hôn như chị **L** trình bày là đúng. Anh **V** hiện nay đang làm việc tại Đài Loan chưa về nước nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Quá trình chung sống, ông không nắm bắt được mâu thuẫn vợ chồng nhưng từ khi chị **L** sinh con thứ hai xong có xin phép gia đình ông về chơi ở nhà bố mẹ đẻ cùng **thôn S, xã T, huyện T**. Nhưng từ đó chị **L** và con thứ hai không về nhà ông nữa. Anh **V** đã biết việc chị **L** có đơn xin ly hôn, anh **V** không có quan điểm gì. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Lê Văn D**, sinh năm 2010 và cháu thứ hai thì ông không biết tên. Hiện nay, cháu **D** đang ở cùng với ông, còn cháu thứ hai thì đang ở cùng với gia đình nhà chị **L**. Về việc nuôi con chung khi ly hôn là việc của vợ chồng anh **V**, chị **L**. Nếu vợ chồng ly hôn, ông xác định cháu **D** đang ở với ông thì ông sẽ có trách nhiệm chăm sóc và sẽ thay anh **V** chăm sóc con chung trong

thời gian anh **V** chưa về nước. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị **L** có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh **V** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **C** vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện **Viện sát nhân dân tỉnh H** phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị **Phạm Thị L** được ly hôn với anh **Lê Văn V**; Giao cho anh **V** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung **Lê Văn D**, sinh ngày 16/6/2010, chị **L** được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung **Lê Minh K**, sinh ngày 19/3/2023 cho đến khi trưởng thành. Tạm giao cháu **D** cho ông **Lê Văn C** (bố đẻ của anh **V**) chăm sóc trong thời gian anh **V** chưa về nước. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị **L** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Chị **Phạm Thị L** có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh **Lê Văn V**. Anh **V** hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, chị **L** không cung cấp được địa chỉ của anh **V** tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị **L** và gia đình anh **V** cung cấp địa chỉ, nhưng chị **L** và gia đình anh **V** không cung cấp được. Ông **Lê Văn C** là bố của anh **V** xác định anh **V** vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, ông **C** đã thông báo về việc chị **L** có đơn xin ly hôn nhưng anh **V** không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày

26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa chị **L** đề nghị xin xét xử vắng mặt; anh **V**, ông **C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; chị **L** có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị **L**, anh **V** và ông **C**.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị L** và anh **Lê Văn V** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Hải Dương** vào ngày 21/11/2008 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, được gia đình động viên hòa giải nên tiếp tục chung sống. Anh chị lần lượt sang Đài Loan làm việc, tại nước ngoài vợ chồng không chung sống cùng nhau mà mỗi người lại có một công việc khác, chỉ thi thoảng mới gặp mặt và liên lạc với nhau. Năm 2022, chị **L** về Việt Nam để sinh con, chị về nhà anh **V** một thời gian, sau khi sinh con chị và con nhỏ đã về nhà bố mẹ đẻ ở để sinh sống. Nay chị **L** có đơn xin ly hôn, anh **V** vẫn tiếp tục làm việc tại Đài Loan, thông qua gia đình anh **V** đã biết việc chị **L** có đơn xin ly hôn nhưng anh **V** không có quan điểm.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng hiện nay vợ chồng đã không còn sinh sống và vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị **L**, anh **V** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị **L** được ly hôn anh **V** là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị **L**, anh **V** có 02 con chung **Lê Văn D**, sinh ngày 16/6/2010 và **Lê Minh K**, sinh ngày 19/3/2023, hiện cháu **D** đang ở cùng gia đình nhà anh **V**, còn cháu **K** đang do chị **L** chăm sóc. Do cháu **K** còn nhỏ, chị **L** có nguyện vọng đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Lê Minh K**, còn anh **V** chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Lê Văn D**.

Xét thấy, cháu **K** còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu **V** đang có cuộc sống ổn định với gia đình anh **V**, để đảm bảo việc chăm sóc con chung và không ảnh hưởng đến việc phát triển của con chung nên cần chấp nhận nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của chị **L**. Giao cho chị **Phạm Thị L** được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Lê Minh K**, giao cho anh **Lê Văn V** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Lê Văn D**. Tạm giao cháu **D** cho ông **Lê Văn C** (bố đẻ anh **V**) chăm sóc cho đến khi anh **V** về Việt Nam. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau.

Chị **Phạm Thị L** và anh **Lê Văn V** được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83

Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **L** là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị L** được ly hôn với chị **Lê Văn V**.

2. Về con chung: Giao cho anh **Lê Văn V** được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Lê Văn D**, sinh ngày 16/6/2010, giao cho chị **Phạm Thị L** được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Lê Minh K**, sinh ngày 19/3/2023 thời gian tính từ tháng 5/2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau.

Tạm giao cháu **Lê Văn D** cho ông **Lê Văn C** (bố đẻ anh **V**) chăm sóc trong thời gian anh **V** chưa về Việt Nam.

Chị **Phạm Thị L**, anh **Lê Văn V** được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Phạm Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000406 ngày 10/01/2024 (chị **L** đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị **L**, ông **C** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh **V** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân An, huyện Thanh Hà;  
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mai Hoa**

